

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 176/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-12-2022.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phú Chánh Thử.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 342/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Tô Thị H, sinh năm 1990.

ĐKTT: ấp Long T (Ấp 1), xã Sơn P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp Mỹ Q (Ấp 3), xã Phước L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: anh Trần Anh D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp Long T (Ấp 1), xã Sơn P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị H có mặt, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, nguyên đơn là chị Tô Thị H trình bày:

Chị và bị đơn là anh Trần Anh D kết hôn vào năm 2011. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn P vào ngày 27/01/2011, hôn nhân là do tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại Ấp 1, xã Sơn P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng. Chị nhận thấy vợ chồng không thể hòa hợp được và anh chị đã ly thân hơn 04 năm. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Chị và anh D có 01 người con chung là Trần Nhật Lam T, sinh ngày 22/10/2012, hiện do chị đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị và anh D không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa, chị H trình bày chị và anh D chung sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh D không quan tâm vợ con, không chăm lo gia đình. Nhiều lần anh D hứa thay đổi nhưng vẫn vậy nên chị và anh D không chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh D. Chị yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng hàng tháng theo quy định pháp luật là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chị Tô Thị H đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn anh Trần Anh D không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Như vậy, anh D không tuân thủ và không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tô Thị H.

- Về hôn nhân: chị Tô Thị H được ly hôn với anh Trần Anh D.

- Về con chung: chị Tô Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Nhật Lam T, sinh ngày 22/10/2012, đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Buộc anh Trần Anh D cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, chị H có quyền khởi kiện vụ kiện khác để yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Anh D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị Tô Thị H trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Tô Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Trần Anh D. Anh D cư trú tại xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Anh Trần Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 01 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị H và Biên bản xác minh ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thì chị H và anh D phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được. Anh chị không chung sống với nhau từ năm 2017. Từ khi chị H nộp đơn khởi kiện cho đến nay, chị H và anh D không cải thiện được tình cảm vợ chồng để kéo dài đời sống chung. Đồng thời với yêu cầu xin ly hôn của chị H, anh D không có ý kiến phản đối, bỏ mặc cho chị H tự giải quyết.

Xét thấy, giữa chị H và anh D không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, anh chị đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của chị H và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H để giải quyết cho chị H được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của chị H thì chị H và anh D có 01 người con chung là Trần Nhật Lam T, sinh ngày 22/10/2012, hiện đang sống với chị H.

Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, anh D không có ý kiến phản đối. Xét thấy, cháu Tuyền đang sống với chị H, được chị H chăm sóc, giáo dục tốt và cháu Tuyền có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị H. Vì vậy, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao cháu Tuyền cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị H có quyền yêu cầu anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T. Chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng cho cháu T với mức cấp dưỡng hàng tháng theo quy định pháp luật là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản với số tiền 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Anh D không có ý kiến phản đối yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị H. Vì vậy, việc chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con với mức cấp dưỡng hàng tháng với số tiền 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị H trình bày chị và anh D không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh D thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Anh D phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các khoản 5, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tô Thị H. Chị Tô Thị H được ly hôn với anh Trần Anh D.

2. Về con chung: giao cháu Trần Nhật Lam T, sinh ngày 22/10/2012 cho chị Tô Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Buộc anh Trần Anh D cấp dưỡng cho cháu Trần Nhật Lam T, sinh ngày 22/10/2012 với mức cấp dưỡng hàng tháng là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Tuyền đủ 18 tuổi.

Anh Trần Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Tô Thị H trình bày chị và anh Trần Anh D không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh D thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Tô Thị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009201 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Buộc anh Trần Anh D phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Sơn P, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền